

CÔNG TY CỔ PHẦN FIVENET
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FIVENET

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FIVENET JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FIVENET .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108520893

3. Ngày thành lập: 21/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20D, ngách 102, ngõ 5 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: *contact.fivenet@gmail.com*

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
2.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
3.	Lập trình máy vi tính	6201
4.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
5.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
6.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
7.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
8.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
9.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
10.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
11.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
12.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420

13.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động khí tượng thủy văn Dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu	7490
14.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
15.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
16.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
21.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
22.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
23.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
27.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
32.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
35.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
36.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
37.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
38.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

43.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
44.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
46.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
47.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
51.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
52.	Thu gom rác thải độc hại	3812
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Phá dỡ	4311
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
59.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
62.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới hàng hóa	4610
64.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động đấu giá)	4789
67.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
68.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
69.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
70.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
71.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
72.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
73.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
74.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
75.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
76.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
77.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
78.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
79.	Tái chế phế liệu	3830
80.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
81.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
82.	Xây dựng công trình điện	4221
83.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ uống	4633
86.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634

87.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
88.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn thuốc Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
89.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
90.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
91.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
92.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
93.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
94.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
95.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
96.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
97.	Bốc xếp hàng hóa	5224
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
100.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

101.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Kiểm định xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình Thi công xây dựng công trình Kiểm định xây dựng Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.. Tư vấn đấu thầu; Tư vấn giám sát	7110
102.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
103.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
104.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)

105.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn, môi giới bất động sản	6820
106.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
107.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
108.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
109.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
110.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
111.	Dịch vụ đóng gói	8292
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
113.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
114.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
115.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
116.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
117.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
118.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
119.	Cho thuê xe có động cơ	7710
120.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
121.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
122.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy máy tính, tin học	8559
123.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
124.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
125.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
126.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213

127.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
128.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ XUÂN SINH	Số 387, Phố Trường Chinh, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0010680004 10	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		
2	TRẦN HOÀNG HIỆP	Số 34, Phố Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	0010860029 25	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		
3	LƯU XUÂN QUANG	Thôn Tân Ninh, Xã Tư Mại, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	121557757	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		
4	VŨ THỊ HƯƠNG	TT XN Quản lý cầu, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	0301860000 21	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		
5	ĐINH VĂN HÒA	Số 7 Ngõ 30 Phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0010820282 23	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

6	NGUYỄN VĂN TÙNG	Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	013158265	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/01/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013158265

Ngày cấp: 16/02/2009

Nơi cấp: Công an Thành Phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội